

Bản án số: 67/2024/DS-ST

Ngày: 28/3/2024

V/v Tranh chấp "hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

2. Ông **ĐỖ DUY HÙNG**

- Thư ký phiên tòa: Ông **HỨA QUỐC THÁI** – Thư ký tòa án nhân dân huyện  
Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không  
tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền  
Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 457/2023/TLST-DS ngày  
06/10/2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử  
số 34/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số  
31/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:**

Ông **TRẦN VĂN L**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp AT, xã AC, huyện CB, tỉnh TG.

**\* Bị đơn:**

Bà **PHAN THỊ P**, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp AT, xã AC, huyện CB, tỉnh TG.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị **PHẠM THỊ HUỲNH N**, sinh năm 1998

Anh **PHẠM NGỌC T**, sinh năm 2003

Cùng địa chỉ: ấp AT, xã AC, huyện CB, tỉnh TG

(ông L có mặt, bà P, chị N, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và các ý kiến trình bày tại Tòa án nhân dân huyện Cái Bè phía nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày:*

Ngày 26/6/2020 bà Phan Thị P có vay của ông số tiền là 112.000.000 đồng, thời hạn là 06 tháng, đến hạn là ngày 26/12/2020, bà Phượng có ký tên vào hợp đồng thỏa thuận, khi vay bà P có thể chấp đưa ông giữ 01 bản chính giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất số 189, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.159,2 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp AT, xã AC, huyện CB, tỉnh TG do ông PVP (chồng bà P) đại diện hộ đứng tên được UBND huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 27/11/2014.

Đến nay đã quá hạn thỏa thuận theo hợp đồng, ông nhiều lần yêu cầu bà P trả tiền ông nhưng bà cố tình lẩn tránh. Chồng bà P là ông P thì đã chết vào khoảng năm 2019. Hàng thừa kế và các thành viên hộ gia đình ông P gồm bà P, chị N và anh T.

Nay ông yêu cầu bà P trả số tiền nợ gốc là 112.000.000 đồng, ông yêu cầu bà P trả phần lãi suất chậm trả trên nợ gốc 112.000.000 đồng với mức lãi là 0,83%/tháng (lãi tính từ 27/12/2020 đến ngày xét xử tính tròn là 39 tháng) số tiền là 36.254.400 đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Sau khi bà P trả xong nợ, ông tự nguyện giao trả lại bà P, chị N và anh T 01 bản chính giấy chứng nhận QSDĐ thửa số 189, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.159,2 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp AT, xã AC, huyện CB, tỉnh TG do ông Phạm Văn P đại diện hộ đứng tên được UBND huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 27/11/2014.

*\* Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Phan Thị P, chị Phạm Thị Huỳnh N, anh Phạm Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện.*

Tại phiên tòa ông L vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng :**

- Phía bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Phan Thị P, chị Phạm Thị Huỳnh N và anh Phạm Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà P, chị N và anh T là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Tranh chấp giữa ông Trần Văn L và bà Phan Thị P là tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại các điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự.

**[2] Về nội dung vụ kiện :**

Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày và xác định yêu cầu như sau: Phía nguyên đơn yêu cầu bà P trả số tiền nợ gốc là 112.000.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu bà P trả phần lãi suất chậm trả trên nợ gốc 112.000.000 đồng với mức lãi là 0,83%/tháng (lãi tính từ 27/12/2020 đến ngày xét xử tính tròn là 39 tháng) số tiền là 36.254.400 đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Sau khi bà P trả xong nợ, phía nguyên đơn tự nguyện giao trả lại bà P, chị N và anh T 01 bản chính giấy chứng nhận QSDĐ thửa số 189, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.159,2 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp AT, xã AC, huyện CB, tỉnh TG do ông PVP đại diện hộ đứng tên được UBND huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 27/11/2014.

Còn phía bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ xem xét bởi lẽ theo hợp đồng thỏa thuận do nguyên đơn cung cấp đề ngày 26/6/2020 thể hiện bị đơn là bà Phượng vay của nguyên đơn số tiền là 112.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, hết hạn là ngày 26/12/2020, bị đơn có ký tên xác lập vào bản hợp đồng hai bên thỏa thuận. Trong hợp đồng thể hiện phía bị đơn có thể chấp 01 bản chính giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất số 189, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.159,2 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp AT, xã AC, huyện CB, tỉnh TG do ông Phạm Văn P (chồng bị đơn) đại diện hộ đứng tên được UBND huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 27/11/2014 cho nguyên đơn để làm tin. Đã quá thời hạn thanh toán, nhưng phía bị đơn không trả số tiền nợ cho nguyên đơn là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó phía nguyên đơn yêu cầu bà Phượng trả số tiền vay gốc là 112.000.000 đồng và yêu cầu bà Phượng trả phần lãi suất chậm trả trên nợ gốc 112.000.000 đồng với mức lãi là 0,83%/tháng (lãi tính từ 27/12/2020 đến ngày xét xử tính tròn là 39 tháng) số tiền là 36.254.400 đồng, tổng cộng vốn lãi là 148.254.400 đồng là có căn cứ.

Phía bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt các văn bản tố tụng thông báo về việc nguyên đơn khởi kiện nhưng

vắng mặt không lý do, xem như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gây thiệt thòi quyền lợi cho phía nguyên đơn nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ tổng cộng vốn lãi là 148.254.400 đồng cho nguyên đơn sau khi bản án có hiệu lực là phù hợp.

Sau khi bà P trả xong nợ, phía nguyên đơn tự nguyện giao trả lại bà P, chị N và anh T 01 bản chính giấy chứng nhận QSDĐ thửa số 189, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.159,2 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp AT, xã AC, huyện CB, tỉnh TG do ông Phạm Văn P đại diện hộ đứng tên được UBND huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 27/11/2014. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn phù hợp theo quy định pháp luật nên hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ các phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Phía bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 26, 35, 227, 235, 243, 244, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 463, 466, 470, 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L

Buộc bà Phan Thị P có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn L số tiền nợ vốn và lãi tổng cộng là 148.254.400 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm đồng).

Sau khi bà Phan Thị P trả xong số tiền nợ nêu trên, phía ông Trần Văn L tự nguyện trả lại bà Phan Thị P, chị Phạm Thị Huỳnh N và anh Phạm Ngọc T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính thửa đất số 189, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.159,2 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp AT, xã AC, huyện CB, tỉnh TG do ông Phạm Văn P đại

diện hộ đứng tên được UBND huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận ngày 27/11/2014.

Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà P chậm thi hành đối với phần tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

\* Về án phí:

+ Bà Phan Thị P phải chịu 7.412.720 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho ông Trần Văn L số tiền 4.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0012935 ngày 06/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

\* Về quyền kháng cáo: Ông L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà P, chị N, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN TRUNG TÍNH**

